

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN

(Kèm theo Quyết định số 1348/QĐ-SGDĐT ngày 20/...6./20.25.)

Trường THPT Nam Trực

Hệ CÔNG LẬP

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Giải HSG lớp 8, 9	Điểm TBM tính bằng điểm	Tổng ĐTB Ngữ văn và Toán lớp 9	Điểm UTK K	Điểm thi			Điểm xét tuyển	Ghi chú
										Văn	Toán	NN		
1	310001	NGUYỄN KIM AN	Nữ	05/07/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.50	8.50	8.05	23.05	
2	310002	VŨ THẾ AN	Nam	24/04/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.25	7.50	6.25	20.00	
3	310003	NGUYỄN THỊ VÂN AN	Nữ	06/10/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.75	8.50	6.65	21.90	
4	310004	ĐÀM QUỐC ANH	Nam	05/01/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.00	8.25	8.00	23.25	
6	310005	ĐẶNG MINH ANH	Nữ	01/04/2010	Thành phố Hà Nội				0.00	5.50	7.75	7.00	20.25	
5	310006	ĐẶNG MINH ANH	Nữ	29/06/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.50	8.75	9.30	24.55	
7	310007	ĐINH QUỲNH ANH	Nữ	27/12/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.00	7.50	5.05	19.55	
8	310008	ĐOÀN CHÂU ANH	Nữ	13/08/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.00	8.75	9.05	24.80	
9	310009	ĐOÀN MINH ANH	Nữ	02/08/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.50	8.50	6.90	21.90	
10	310010	ĐOÀN QUỲNH ANH	Nữ	21/07/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.25	7.25	7.15	20.65	
11	310011	MAI THẾ ANH	Nam	24/07/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.00	8.50	8.15	22.65	
12	310012	NGUYỄN HỒNG ANH	Nam	11/12/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.00	8.50	9.00	24.50	
13	310013	NGUYỄN MINH ANH	Nữ	09/12/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.00	8.00	9.80	24.80	
14	310014	NGUYỄN TRÂM ANH	Nữ	28/11/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	8.25	8.75	6.70	23.70	
15	310015	PHẠM HOÀI ANH	Nữ	28/11/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.75	8.75	9.45	24.95	
16	310016	PHẠM HOÀNG ANH	Nam	22/09/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.25	9.00	6.55	21.80	
17	310017	THIỆU VIỆT ANH	Nam	11/12/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.25	9.00	8.65	23.90	
18	310018	TRẦN THẾ ANH	Nam	14/01/2010	Tỉnh Nam Định				1.00	6.50	8.50	7.55	23.55	
20	310019	VŨ ĐỨC ANH	Nam	21/02/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.75	8.50	8.05	23.30	
19	310020	VŨ ĐỨC ANH	Nam	18/08/2010	Tỉnh Thái Bình				0.00	7.00	8.25	5.10	20.35	

21	310021	VŨ HOÀI ANH	Nữ	23/04/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.00	6.00	8.05	21.05
22	310022	VŨ HOÀNG ANH	Nam	18/12/2010	Tỉnh Lào Cai				0.00	6.50	8.25	8.65	23.40
23	310023	VŨ KIỀU ANH	Nữ	25/03/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.00	9.25	8.15	24.40
24	310024	VŨ NAM ANH	Nam	12/02/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.50	9.00	8.75	24.25
25	310025	VŨ PHƯƠNG ANH	Nữ	01/11/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.75	8.00	6.80	21.55
26	310026	VŨ QUỲNH ANH	Nữ	10/05/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.25	7.75	9.45	24.45
27	310027	VŨ QUỲNH ANH	Nữ	20/10/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.25	8.25	6.05	21.55
28	310028	VŨ TUẤN ANH	Nam	28/04/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	5.75	9.00	7.90	22.65
29	310029	LƯƠNG THỊ BẢO ANH	Nữ	01/11/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.25	9.00	7.15	22.40
30	310030	VŨ THỊ HẢI ANH	Nữ	11/02/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	5.75	7.00	6.30	19.05
31	310031	ĐẶNG THỊ MAI ANH	Nữ	06/02/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.00	8.50	9.30	24.80
32	310032	TRẦN THỊ MAI ANH	Nữ	16/01/2010	Tỉnh Đồng Nai				0.00	6.25	8.50	6.80	21.55
33	310033	ĐOÀN PHẠM MỸ ANH	Nữ	19/11/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	5.25	8.50	8.10	21.85
34	310035	LÊ THỊ PHƯƠNG ANH	Nữ	06/09/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	5.75	8.50	7.30	21.55
35	310037	PHÙNG THỊ PHƯƠNG ANH	Nữ	25/02/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	5.75	7.00	5.55	18.30
36	310038	VŨ THỊ PHƯƠNG ANH	Nữ	12/06/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.25	7.75	7.80	21.80
37	310039	NGUYỄN VŨ QUỲNH ANH	Nữ	12/12/2010	Tỉnh Nam Định	Lớp 9: Giải b			0.00	5.75	8.25	6.45	20.45
38	310040	PHẠM NGUYỄN QUỲNH ANH	Nữ	27/03/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.00	9.00	8.10	24.10
39	310041	ĐOÀN THỊ VÂN ANH	Nữ	14/04/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.25	8.00	6.50	20.75
40	310042	TẠ THỊ VÂN ANH	Nữ	14/11/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.75	8.25	7.75	23.75
41	310043	TRẦN NGỌC ÁNH	Nữ	04/12/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.00	8.75	7.05	22.80
43	310044	VŨ NGỌC ÁNH	Nữ	19/05/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.25	7.75	5.20	19.20
42	310045	VŨ NGỌC ÁNH	Nữ	12/07/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.00	7.00	5.95	18.95
44	310047	VŨ THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	05/05/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.25	8.75	7.05	23.05
45	310048	PHẠM THIÊN ÂN	Nam	14/01/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.00	8.75	6.75	21.50

Handwritten signature and initials

46	310049	NGUYỄN THANH BÁCH	Nam	19/09/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	6.75	8.50	8.50	23.75
47	310050	VŨ XUÂN BÁCH	Nam	25/12/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	6.50	9.25	5.95	21.70
48	310051	ĐOÀN GIA BẢO	Nam	29/11/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	5.75	8.25	6.10	20.10
49	310052	LƯU GIA BẢO	Nam	28/03/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	5.75	8.00	6.30	20.05
50	310054	PHAN NGỌC BẢO	Nam	27/04/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	5.50	7.00	7.55	20.05
51	310055	TRẦN GIA BẢO	Nam	14/01/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	6.25	8.50	6.25	21.00
52	310056	TRẦN GIA BẢO	Nam	20/05/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	5.75	8.75	8.60	23.10
53	310057	TRẦN ĐOÀN GIA BẢO	Nam	06/01/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	6.00	7.75	6.10	19.85
54	310058	TRẦN HOÀNG GIA BẢO	Nam	15/12/2010	Thành phố Hồ Chí Minh	0.00	5.75	6.75	7.45	19.95
55	310059	PHAN THỤY BĂNG BĂNG	Nữ	28/06/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	6.75	8.50	7.35	22.60
56	310060	MAI XUÂN BẮC	Nam	05/02/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	6.50	8.25	7.80	22.55
57	310061	VŨ NGỌC BÍCH	Nam	11/09/2010	Tỉnh Đồng Nai	0.00	6.00	8.25	8.85	23.10
58	310062	TRẦN NHƯ BÌNH	Nữ	19/03/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	7.25	8.75	8.00	24.00
59	310064	NGUYỄN THỊ THANH BÌNH	Nữ	23/06/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	6.50	9.50	9.35	25.35
60	310065	VŨ NGUYỄN NGỌC CHÂM	Nữ	12/04/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	6.75	8.75	9.05	24.55
61	310066	VŨ THẢO CHI	Nữ	22/01/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	6.00	7.75	7.85	21.60
62	310067	ĐOÀN THỊ KIM CHI	Nữ	15/08/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	6.25	8.50	7.40	22.15
63	310068	NGUYỄN THỊ KIM CHI	Nữ	14/04/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	7.25	8.25	7.60	23.10
64	310069	VŨ THỊ KIM CHI	Nữ	07/03/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	6.75	6.00	6.30	19.05
65	310070	ĐOÀN THỊ QUỲNH CHI	Nữ	19/05/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	7.00	8.25	5.50	20.75
66	310071	ĐỖ THỊ QUỲNH CHI	Nữ	16/10/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	6.50	6.00	6.15	18.65
67	310072	LÊ VĂN CHIẾN	Nam	14/01/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	5.25	7.75	7.85	20.85
68	310073	ĐOÀN QUANG CHÍNH	Nam	18/02/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	6.75	8.75	4.60	20.10
69	310074	ĐOÀN VĂN CHÍNH	Nam	21/02/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	5.50	8.75	6.50	20.75
70	310076	PHAN XUÂN CƯƠNG	Nam	12/04/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	6.50	10.00	9.80	26.30

Lớp 9: Giải ba

Lớp 9: Giải ba

71	310077	ĐOÀN ĐỨC CƯỜNG	Nam	12/06/2010	Tỉnh Nam Định		0.00	6.50	8.25	8.00	22.75
72	310078	PHẠM CAO CƯỜNG	Nam	22/10/2010	Tỉnh Nam Định		0.00	6.25	6.25	6.80	19.30
73	310079	TRẦN ĐỨC CƯỜNG	Nam	08/08/2010	Thành phố Hải Phòng		0.00	6.75	7.50	9.20	23.45
74	310080	TRẦN MẠNH CƯỜNG	Nam	23/04/2010	Tỉnh Nam Định		0.00	6.75	8.75	8.15	23.65
75	310081	TRẦN MẠNH CƯỜNG	Nam	02/12/2010	Tỉnh Nam Định	9: Khuyến khích	0.00	7.50	8.50	9.90	25.90
76	310082	VŨ MẠNH CƯỜNG	Nam	12/04/2010	Tỉnh Nam Định		0.00	7.00	9.50	7.65	24.15
77	310083	CÔ NGỌC QUỐC CƯỜNG	Nam	07/08/2010	Tỉnh Nam Định		0.00	6.50	6.75	6.20	19.45
78	310084	BÙI QUỐC DÂN	Nam	22/01/2010	Tỉnh Nam Định		0.00	6.75	8.75	7.80	23.30
79	310085	ĐOÀN MẠNH DIỆN	Nam	24/08/2010	Tỉnh Nam Định		0.00	5.50	7.50	5.45	18.45
80	310087	LÊ NGỌC DIỆP	Nữ	02/10/2010	Tỉnh Nam Định		0.00	6.25	8.75	8.30	23.30
81	310088	LÊ THỊ NGỌC DIỆP	Nữ	30/06/2010	Tỉnh Nam Định		0.00	6.00	7.75	6.80	20.55
82	310089	LÊ THỊ DIỄM	Nữ	17/02/2010	Tỉnh Nam Định		0.00	6.00	9.00	9.45	24.45
83	310090	NGUYỄN TIẾN DU	Nam	12/10/2010	Tỉnh Nam Định		0.00	7.75	8.75	8.25	24.75
84	310091	PHẠM TIẾN DUẬT	Nam	04/05/2010	Tỉnh Nam Định		0.00	6.50	7.75	6.45	20.70
85	310092	PHẠM DUY DUẤN	Nam	13/09/2010	Tỉnh Nam Định		0.00	6.25	8.50	5.50	20.25
86	310093	ĐOÀN THÙY DUNG	Nữ	02/03/2010	Tỉnh Nam Định		0.00	7.25	8.25	8.45	23.95
87	310094	BÙI THỊ KIỀU DUNG	Nữ	20/02/2010	Tỉnh Nam Định		0.00	7.50	7.75	6.60	21.85
88	310096	LÊ ĐỨC DUY	Nam	27/04/2010	Tỉnh Nam Định		0.00	7.00	8.00	7.70	22.70
89	310097	VŨ ANH DUY	Nam	03/01/2010	Tỉnh Nam Định		0.00	6.00	8.50	7.05	21.55
90	310098	VŨ KHÁNH DUY	Nam	13/05/2010	Tỉnh Nam Định		1.00	5.50	8.75	7.90	23.15
91	310099	BÙI PHƯƠNG DUYÊN	Nữ	04/03/2010	Tỉnh Nam Định		0.00	6.75	8.25	5.00	20.00
92	310100	NGUYỄN MỸ DUYÊN	Nữ	26/08/2010	Tỉnh Nam Định		0.00	6.00	8.25	5.70	19.95
93	310101	PHẠM KỶ DUYÊN	Nữ	05/03/2010	Tỉnh Nam Định		0.00	5.75	7.75	6.05	19.55
94	310102	ĐỖ THỊ KỶ DUYÊN	Nữ	21/06/2010	Tỉnh Nam Định		0.00	5.75	8.25	7.05	21.05
95	310103	CAO THỊ MỸ DUYÊN	Nữ	12/08/2010	Tỉnh Nam Định		0.00	7.00	9.25	8.55	24.80

lch

96	310106	NGUYỄN MẠNH DŨNG	Nam	16/10/2010	Thành phố Hà Nội	0.00	6.25	7.25	7.10	20.60
97	310107	NGUYỄN TIẾN DŨNG	Nam	05/12/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	7.00	8.75	6.30	22.05
98	310108	NGÔ MINH DƯƠNG	Nam	01/01/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	6.75	8.25	7.10	22.10
99	310109	NGUYỄN THÙY DƯƠNG	Nữ	16/07/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	6.00	8.25	5.95	20.20
100	310110	VŨ THÙY DƯƠNG	Nữ	04/10/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	6.75	6.75	6.40	19.90
101	310111	NGÔ ĐỨC ÁNH DƯƠNG	Nam	03/09/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	4.25	8.75	6.35	19.35
102	310113	ĐỖ THỊ THUYỀN DƯƠNG	Nữ	17/05/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	6.50	7.00	6.90	20.40
103	310115	BÙI THỊ ANH ĐÀO	Nữ	16/09/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	6.25	8.00	7.75	22.00
104	310116	TRẦN QUANG ĐẠO	Nam	22/11/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	7.00	9.25	7.80	24.05
105	310117	ĐOÀN MINH ĐẠT	Nam	26/02/2010	Tỉnh Nam Định	1.00	6.00	7.75	7.30	22.05
106	310118	NGUYỄN THỊNH ĐẠT	Nam	06/02/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	6.25	6.75	8.10	21.10
108	310121	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	Nam	14/07/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	5.50	7.50	6.85	19.85
107	310122	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	Nam	04/11/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	6.25	7.25	6.85	20.35
109	310123	PHÙNG TIẾN ĐẠT	Nam	21/08/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	6.00	8.00	6.10	20.10
110	310124	VŨ DUY ĐẠT	Nam	08/01/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	5.25	8.25	6.25	19.75
111	310125	VŨ MẠNH ĐẠT	Nam	08/03/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	6.25	8.75	3.90	18.90
112	310126	VŨ QUỐC ĐẠT	Nam	18/01/2010	Thành phố Hà Nội	0.00	6.75	8.75	6.80	22.30
113	310127	VŨ TIẾN ĐẠT	Nam	19/11/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	7.50	8.75	4.70	20.95
114	310128	NGUYỄN HẢI ĐĂNG	Nam	21/10/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	6.25	8.75	3.85	18.85
115	310130	PHẠM THÀNH ĐÔ	Nam	28/10/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	7.75	9.25	8.30	25.30
116	310131	TRẦN DUY ĐÔ	Nam	31/07/2010	Tỉnh Nam Định	1.00	5.75	9.00	7.65	23.40
117	310132	TRẦN MINH ĐỨC	Nam	03/10/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	7.25	9.00	6.70	22.95
118	310133	TRẦN MINH ĐỨC	Nam	12/10/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	6.00	8.75	8.50	23.25
119	310134	VŨ ĐÌNH ĐỨC	Nam	15/07/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	6.50	10.00	8.15	24.65
120	310135	ĐOÀN PHÚ GIA	Nam	20/09/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	6.25	9.00	7.35	22.60

Handwritten signature and initials

121	310136	BÙI HƯƠNG GIANG	Nữ	15/03/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	6.50	9.00	8.00	23.50
122	310138	LÊ THỊ CHÂU GIANG	Nữ	05/12/2010	Tỉnh Hưng Yên	0.00	7.75	8.00	5.90	21.65
123	310139	TRẦN ĐỖ TRÀ GIANG	Nữ	19/10/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	6.25	8.75	6.75	21.75
142	310140	NGUYỄN DUY TRƯỜNG GIANG	Nam	07/04/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	6.50	8.50	6.25	21.25
124	310141	NGUYỄN THU HÀ	Nữ	19/03/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	6.25	6.75	5.55	18.55
125	310142	PHẠM THANH HÀ	Nữ	27/01/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	7.00	8.50	9.45	24.95
126	310143	TRẦN NGỌC HÀ	Nữ	25/09/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	6.00	8.75	5.80	20.55
127	310144	TRẦN THANH HÀ	Nữ	23/12/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	6.00	8.25	7.85	22.10
128	310145	BÙI TRẦN KHÁNH HÀ	Nữ	23/05/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	6.25	8.50	7.75	22.50
129	310146	ĐẶNG THỊ THÚY HÀ	Nữ	06/05/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	6.50	8.75	8.10	23.35
130	310147	VŨ PHƯƠNG HẠNH	Nữ	07/11/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	6.75	9.25	9.60	25.60
131	310148	PHẠM HOÀNG MINH HẠNH	Nữ	14/07/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	6.75	9.25	8.00	24.00
132	310149	ĐÀM THỊ MỸ HẠNH	Nữ	30/10/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	6.25	9.00	7.65	22.90
133	310150	NGUYỄN HỒNG HẢI	Nam	04/02/2010	Tỉnh Lâm Đồng	0.00	6.75	9.00	6.80	22.55
134	310153	PHẠM HOÀNG HẢI	Nam	12/09/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	6.50	9.00	6.00	21.50
135	310154	MAI VĂN HOÀNG HẢI	Nam	08/07/2010	Tỉnh Nam Định	1.00	7.25	8.00	7.85	24.10
136	310157	NGUYỄN THỊ THANH HẢO	Nữ	04/02/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	8.50	7.25	7.65	23.40
137	310158	ĐOÀN NGỌC HÂN	Nữ	25/11/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	7.25	6.25	7.15	20.65
138	310159	NGUYỄN GIA HÂN	Nữ	20/09/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	7.25	9.00	9.35	25.60
139	310160	NGUYỄN THỊ THANH HẰNG	Nữ	26/03/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	7.25	8.25	6.40	21.90
140	310161	NGUYỄN THỊ THANH HẰNG	Nữ	27/06/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	7.50	9.00	8.05	24.55
141	310162	NGUYỄN THỊ THU HẰNG	Nữ	04/02/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	5.75	9.00	5.50	20.25
143	310164	VŨ MINH HIẾU	Nam	30/08/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	6.75	7.00	5.15	18.90
144	310165	VŨ MINH HIẾU	Nam	30/10/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	5.25	8.00	5.65	18.90
145	310169	TRẦN HOÀNG HIỆP	Nam	21/08/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	6.50	9.50	7.30	23.30

llk

146	310171	VŨ THỊ HOA	Nữ	15/10/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	6.75	7.50	6.00	20.25
147	310172	NGUYỄN THU HOÀ	Nữ	02/05/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	6.00	8.50	7.80	22.30
148	310173	NGUYỄN ĐẠI HOÀN	Nam	18/06/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	6.75	9.00	6.05	21.80
149	310174	VŨ VIỆT HOÀN	Nam	06/07/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	6.00	7.25	8.05	21.30
150	310175	ĐOÀN HUY HOÀNG	Nam	03/01/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	6.25	7.75	5.20	19.20
151	310177	PHẠM TIẾN HOÀNG	Nam	12/05/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	7.00	8.25	8.25	23.50
152	310178	TRẦN HUY HOÀNG	Nam	06/01/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	4.75	8.25	6.75	19.75
153	310179	ĐOÀN THỊ HUẾ	Nữ	20/07/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	7.50	8.50	8.45	24.45
154	310181	BÙI THẾ HUY	Nam	21/03/2010	Tỉnh Nam Định	1.00	6.00	9.00	7.65	23.65
155	310182	ĐOÀN GIA HUY	Nam	28/03/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	7.00	8.00	7.95	22.95
156	310183	NGUYỄN CÔNG HUY	Nam	16/09/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	5.00	7.75	6.80	19.55
157	310184	NGUYỄN QUỐC HUY	Nam	30/11/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	6.00	8.75	9.00	23.75
158	310186	VŨ GIA HUY	Nam	09/09/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	6.50	7.25	6.20	19.95
159	310187	VŨ NGUYỄN GIA HUY	Nam	12/01/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	6.50	8.75	9.55	24.80
160	310188	NGUYỄN PHẠM KHÁNH HUY	Nam	01/04/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	6.50	8.50	6.25	21.25
161	310189	CÔ KHÁNH HUYỀN	Nữ	27/07/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	6.75	8.50	6.05	21.30
162	310190	NGUYỄN PHƯƠNG HUYỀN	Nữ	02/07/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	6.25	8.75	5.35	20.35
163	310191	PHẠM KHÁNH HUYỀN	Nữ	06/05/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	7.75	9.25	6.55	23.55
164	310193	VŨ THỊ KHÁNH HUYỀN	Nữ	07/08/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	7.25	7.50	6.55	21.30
165	310194	TRẦN THỊ NGỌC HUYỀN	Nữ	28/04/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	4.50	6.75	7.05	18.30
166	310195	NGUYỄN PHI HÙNG	Nam	11/06/2010	Tỉnh Nam Định	0.50	5.75	6.50	6.00	18.75
167	310196	PHẠM MẠNH HÙNG	Nam	25/04/2010	Tỉnh Thái Bình	0.00	6.25	7.25	7.30	20.80
168	310197	ĐOÀN GIA HUNG	Nam	04/06/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	5.75	8.00	7.90	21.65
169	310198	ĐOÀN QUANG HUNG	Nam	03/04/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	5.50	9.75	6.95	22.20
170	310199	ĐOÀN TUẤN HUNG	Nam	06/11/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	6.00	7.25	5.75	19.00

Handwritten signature and initials

171	310200	NGUYỄN DUY HÙNG	Nam	14/09/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	5.50	9.00	7.25	21.75
172	310201	NGUYỄN ĐÌNH HÙNG	Nam	05/02/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.00	8.75	9.90	24.65
173	310203	PHAN ĐOÀN GIA HÙNG	Nam	04/01/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.75	8.25	6.55	21.55
174	310204	ĐỖ MAI HƯƠNG	Nữ	28/05/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.00	8.00	5.60	20.60
175	310205	NGUYỄN DUY KHANG	Nam	10/02/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.25	8.25	5.80	20.30
176	310206	NGUYỄN GIA KHANG	Nam	18/07/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	5.50	9.00	6.95	21.45
177	310208	TRẦN VĂN KHANG	Nam	19/08/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.50	9.00	9.45	24.95
178	310209	ĐỖ QUANG KHÁNH	Nam	02/08/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.75	7.75	6.65	21.15
179	310210	TÔ MINH KHÁNH	Nam	02/12/2010	Tỉnh Nam Định				1.50	6.00	9.50	7.30	24.30
180	310212	VŨ NGỌC VÂN KHÁNH	Nữ	08/10/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.00	8.00	8.60	23.60
181	310213	ĐOÀN QUANG KHẢI	Nam	13/01/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	5.25	6.25	7.30	18.80
182	310214	NGUYỄN QUANG KHẢI	Nam	09/09/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.25	8.50	5.30	21.05
183	310215	VŨ DUY KIÊN	Nam	13/12/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.50	9.25	5.80	21.55
184	310217	ĐOÀN NGỌC KIM	Nam	07/03/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	5.75	9.25	5.70	20.70
185	310218	ĐOÀN THỊ LAN	Nữ	03/03/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.00	7.75	5.20	18.95
186	310219	ĐOÀN TRUNG LÂM	Nam	01/10/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.50	9.00	7.95	23.45
187	310220	LŨU NGỌC LÂM	Nam	14/03/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.25	8.75	6.80	21.80
188	310223	CAO KHÁNH LINH	Nữ	23/08/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.75	8.00	6.35	21.10
189	310224	ĐẶNG PHƯƠNG LINH	Nữ	04/09/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.25	9.00	7.05	23.30
190	310225	ĐOÀN CHÍ LINH	Nam	20/05/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	5.75	8.25	6.30	20.30
191	310226	ĐOÀN DIỆU LINH	Nữ	03/07/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.50	7.75	7.15	21.40
192	310227	ĐOÀN ĐỨC LINH	Nam	15/04/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	5.50	7.50	6.50	19.50
193	310228	LƯƠNG MAI LINH	Nữ	12/01/2010	Tỉnh Nam Định	Lớp 9: Giải ba			0.00	7.75	8.25	9.90	25.90
194	310229	NGUYỄN KHÁNH LINH	Nữ	01/06/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.75	8.75	9.30	25.80
195	310230	NGUYỄN THUYỀN LINH	Nữ	08/09/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.75	7.75	8.85	23.35

Handwritten signature and scribbles

196	310231	PHẠM MAI LINH	Nữ	04/09/2010	Tỉnh Nam Định		0.00	6.75	8.50	8.20	23.45
197	310232	PHẠM NGỌC LINH	Nữ	17/03/2010	Tỉnh Nam Định	Lớp 9: Khuyến khích	0.00	7.75	9.00	6.40	23.15
198	310233	TRẦN DIỆU LINH	Nữ	27/09/2010	Tỉnh Nam Định		0.00	6.00	8.25	6.70	20.95
199	310234	TRẦN HÀ LINH	Nữ	31/01/2010	Tỉnh Nam Định		0.00	7.00	8.75	6.90	22.65
200	310235	TRẦN MAI LINH	Nữ	17/11/2010	Tỉnh Nam Định		0.00	6.00	8.75	6.95	21.70
201	310236	VŨ HÀ LINH	Nữ	03/11/2010	Tỉnh Nam Định		0.00	6.75	7.25	5.10	19.10
202	310237	VŨ MAI LINH	Nữ	21/03/2010	Tỉnh Nam Định		0.00	7.00	8.75	9.15	24.90
203	310238	VŨ NGỌC LINH	Nữ	23/02/2010	Tỉnh Nam Định		0.00	7.25	8.25	6.55	22.05
204	310239	VŨ THÙY LINH	Nữ	05/03/2010	Tỉnh Nam Định		0.00	6.75	9.25	8.50	24.50
205	310240	NGUYỄN THỊ HÀ LINH	Nữ	24/02/2010	Tỉnh Nam Định		0.00	7.25	8.25	7.40	22.90
206	310241	NGUYỄN THỊ HÀ LINH	Nữ	30/12/2010	Tỉnh Nam Định		0.00	6.25	9.00	6.00	21.25
207	310242	LÊ THỊ MAI LINH	Nữ	14/07/2010	Tỉnh Nam Định		0.00	6.75	9.00	9.00	24.75
208	310243	NGUYỄN MAI PHƯƠNG LINH	Nữ	12/08/2010	Thành phố Hồ Chí Minh		0.00	6.25	8.00	7.75	22.00
209	310244	PHẠM THỊ PHƯƠNG LINH	Nữ	03/03/2010	Tỉnh Nam Định		0.50	7.25	6.75	6.60	21.10
210	310245	VŨ THỊ THÙY LINH	Nữ	14/08/2010	Tỉnh Nam Định		0.00	7.00	8.50	6.95	22.45
211	310247	NGUYỄN THỊ HỒNG LOAN	Nữ	13/02/2010	Tỉnh Nam Định		0.00	6.50	8.25	7.15	21.90
212	310248	HOÀNG BẢO LONG	Nam	04/09/2010	Tỉnh Nam Định		0.00	6.25	8.75	6.55	21.55
213	310249	TRẦN ĐỨC LONG	Nam	18/07/2010	Tỉnh Nam Định		0.00	7.50	9.00	8.15	24.65
214	310250	VŨ HỮU THÀNH LONG	Nam	10/03/2010	Tỉnh Nam Định	Lớp 9: Giải ba	0.00	6.75	9.00	5.90	21.65
215	310251	NGUYỄN THÀNH LỘC	Nam	11/02/2010	Tỉnh Nam Định	Lớp 9: Giải ba	0.00	6.75	8.25	8.60	23.60
216	310252	NGUYỄN TIÊN LỘC	Nam	29/11/2010	Tỉnh Nam Định		0.00	7.00	7.50	7.75	22.25
217	310253	VŨ THỊ HỒNG LUYẾN	Nữ	22/02/2010	Tỉnh Nam Định		0.00	5.25	8.00	6.70	19.95
218	310254	ĐOÀN THẾ LỰC	Nam	26/10/2010	Tỉnh Nam Định	Lớp 9: Giải nhất	0.00	6.50	9.50	7.25	23.25
219	310255	LƯU PHƯƠNG LY	Nữ	30/08/2010	Tỉnh Nam Định		0.00	6.00	8.50	6.55	21.05
220	310256	NGUYỄN KHÁNH LY	Nữ	01/01/2010	Tỉnh Nam Định		0.00	7.50	8.50	8.30	24.30

Handwritten signature and initials

221	310257	VŨ PHƯƠNG LY	Nữ	14/10/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	7.25	8.25	7.10	22.60
222	310258	ĐOÀN THỊ KHÁNH LY	Nữ	04/08/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	6.50	7.75	5.95	20.20
223	310259	NGUYỄN THỊ KHÁNH LY	Nữ	28/07/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	6.50	9.00	8.05	23.55
224	310260	VŨ THỊ KHÁNH LY	Nữ	25/10/2010	Tỉnh Nam Định	1.00	7.25	8.25	6.80	23.30
225	310261	ĐOÀN THỊ LÝ	Nữ	04/12/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	6.75	9.00	7.15	22.90
226	310262	CHU THANH MAI	Nữ	21/07/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	7.75	7.50	7.65	22.90
227	310263	ĐẶNG XUÂN MAI	Nữ	03/12/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	7.50	7.75	7.90	23.15
228	310264	ĐOÀN THANH MAI	Nữ	11/11/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	6.50	7.50	7.95	21.95
229	310265	ĐỖ NGỌC MAI	Nữ	15/08/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	6.00	8.25	6.80	21.05
230	310266	VŨ BAN MAI	Nữ	07/03/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	6.50	8.25	7.00	21.75
231	310267	VŨ THANH MAI	Nữ	19/11/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	7.00	9.25	8.60	24.85
232	310268	VŨ THỊ PHƯƠNG MAI	Nữ	28/04/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	6.00	8.25	6.65	20.90
233	310270	ĐOÀN ĐỨC MẠNH	Nam	18/07/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	6.75	8.75	5.95	21.45
234	310271	ĐỖ KHẮC MẠNH	Nam	23/01/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	6.00	8.00	6.70	20.70
235	310272	NGUYỄN ĐỨC MẠNH	Nam	02/06/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	6.75	9.25	4.90	20.90
236	310273	ĐỖ ANH MINH	Nam	25/10/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	7.25	9.75	7.20	24.20
237	310274	ĐỖ HOÀNG MINH	Nam	14/11/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	5.75	7.50	7.30	20.55
238	310275	LƯU ĐÌNH MINH	Nam	21/11/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	5.75	8.50	7.25	21.50
239	310276	MAI PHÚC MINH	Nam	16/03/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	6.25	8.50	8.10	22.85
240	310277	NGUYỄN QUANG MINH	Nam	14/10/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	6.50	9.25	9.40	25.15
241	310278	PHẠM GIA MINH	Nam	12/11/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	6.00	8.25	4.90	19.15
242	310279	PHẠM NHẬT MINH	Nam	01/05/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	6.25	7.50	6.90	20.65
243	310280	PHẠM QUANG MINH	Nam	08/07/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	6.75	7.25	5.85	19.85
244	310281	HOÀNG THẢO MY	Nữ	12/02/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	6.75	8.00	7.75	22.50
245	310282	PHẠM TRÀ MY	Nữ	17/09/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	5.75	7.75	5.25	18.75

Handwritten signature and initials

246	310283	NGUYỄN THỊ HÀ MY	Nữ	28/09/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	6.75	7.00	7.45	21.20
247	310284	TRẦN THỊ HUYỀN MY	Nữ	11/03/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	7.75	9.00	7.80	24.55
248	310285	ĐOÀN THỊ TRÀ MY	Nữ	22/09/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	5.50	9.00	6.25	20.75
249	310286	ĐOÀN THỊ NGỌC MỸ	Nữ	04/11/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	5.75	6.75	5.85	18.35
250	310287	ĐỖ HOÀNG NAM	Nam	30/07/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	5.50	8.75	6.05	20.30
251	310288	NGÔ THẾ NAM	Nam	05/02/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	6.75	9.25	5.75	21.75
252	310289	PHẠM HẢI NAM	Nam	04/10/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	7.25	9.00	7.90	24.15
253	310290	LÊ ĐỨC NĂNG	Nam	03/03/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	4.50	8.25	7.30	20.05
254	310291	TRẦN THÚY NGA	Nữ	01/04/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	6.25	8.50	6.95	21.70
255	310292	TRẦN HỒNG NGÁT	Nữ	14/10/2010	TP Hà Nội	0.00	5.75	8.00	6.65	20.40
256	310293	ĐÀO QUỲNH NGÂN	Nữ	01/03/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	6.50	9.00	8.90	24.40
257	310295	LÒ HỒNG NGÂN	Nữ	24/06/2010	Tỉnh Nam Định	1.00	6.75	7.75	6.25	21.75
258	310296	NGUYỄN THANH NGÂN	Nữ	18/05/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	5.75	8.00	6.25	20.00
259	310297	ĐOÀN THỊ HOÀNG NGÂN	Nữ	24/08/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	4.25	8.75	6.45	19.45
260	310298	ĐOÀN THỊ KIM NGÂN	Nữ	22/11/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	6.00	8.25	6.60	20.85
261	310299	BÙI TUẤN NGHĨA	Nam	21/03/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	5.50	8.25	6.80	20.55
262	310300	NGUYỄN BÍCH NGỌC	Nữ	26/05/2010	Thành phố Hà Nội	0.00	7.00	8.00	6.20	21.20
264	310301	NGUYỄN THANH NGỌC	Nữ	18/04/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	6.50	8.00	8.95	23.45
263	310302	NGUYỄN THANH NGỌC	Nữ	08/11/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	6.75	8.00	6.15	20.90
265	310303	PHẠM KIM NGỌC	Nữ	23/09/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	6.25	9.00	7.40	22.65
266	310304	TRẦN BẢO NGỌC	Nữ	27/09/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	7.50	8.25	5.90	21.65
267	310305	VŨ BẢO NGỌC	Nữ	10/10/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	8.00	8.00	7.40	23.40
268	310306	VŨ MINH NGỌC	Nữ	10/07/2010	Tỉnh Nam Định	0.50	8.00	9.00	9.30	26.80
269	310308	HÀ THỊ BÍCH NGỌC	Nữ	01/08/2010	Tỉnh Nam Định	1.00	7.50	8.00	6.20	22.70
270	310309	NGUYỄN THỊ HẢO NGỌC	Nữ	05/12/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	7.25	7.25	6.70	21.20

[Handwritten signature]

271	310310	TRẦN VŨ THU NGỌC	Nữ	17/01/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	7.25	7.75	7.05	22.05
272	310311	ĐOÀN THU NGUYỄN	Nữ	11/02/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	6.00	8.75	6.55	21.30
273	310313	TRẦN NHẬT NGUYỄN	Nam	12/09/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	6.25	8.25	7.40	21.90
274	310314	HOÀNG ĐỨC NGUYỄN	Nam	28/08/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	6.00	8.25	5.50	19.75
275	310315	PHẠM HƯƠNG NHÀI	Nữ	29/01/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	7.75	8.75	7.65	24.15
276	310316	VŨ THỊ NHÀI	Nữ	23/02/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	5.25	8.25	7.00	20.50
277	310317	ĐOÀN ĐỨC NHẬT	Nam	07/01/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	6.00	8.75	8.20	22.95
278	310318	ĐOÀN ĐỨC NHẬT	Nam	15/11/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	6.75	8.75	6.50	22.00
279	310319	ĐỖ YẾN NHI	Nữ	28/09/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	6.25	8.75	7.15	22.15
280	310320	NGUYỄN HÀ NHI	Nữ	01/01/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	6.50	7.75	6.55	20.80
281	310321	TRẦN YẾN NHI	Nữ	09/04/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	5.25	7.25	7.05	19.55
282	310322	VŨ NGỌC NHI	Nữ	14/05/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	6.50	9.25	5.80	21.55
283	310323	ĐỖ THỊ YẾN NHI	Nữ	24/10/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	6.50	8.50	5.80	20.80
284	310324	LÊ THỊ YẾN NHI	Nữ	18/02/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	6.50	8.50	7.90	22.90
285	310325	NGUYỄN HẢI YẾN NHI	Nữ	27/02/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	6.25	7.75	5.30	19.30
286	310327	PHẠM THỊ YẾN NHI	Nữ	21/02/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	6.75	8.75	7.90	23.40
287	310328	HOÀNG THỊ NHUNG	Nữ	09/01/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	6.75	7.75	7.05	21.55
288	310329	PHẠM HỒNG NHUNG	Nữ	10/05/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	6.00	9.00	7.30	22.30
289	310330	PHẠM TÂM NHƯ	Nữ	23/01/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	7.25	9.25	8.40	24.90
290	310331	LÊ HOÀNG DIỄM NHƯ	Nữ	13/04/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	7.25	8.50	8.85	24.60
291	310332	ĐOÀN THỊ QUỲNH NHƯ	Nữ	15/03/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	7.00	8.00	7.75	22.75
292	310333	BÙI VĂN NINH	Nam	05/10/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	5.25	7.00	6.00	18.25
293	310334	ĐỖI ĐÌNH NÚI	Nam	15/07/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	7.00	8.50	7.75	23.25
294	310335	VŨ THỊ KIM OANH	Nữ	14/10/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	7.00	8.75	7.55	23.30
295	310336	ĐOÀN ĐỨC PHAN	Nam	06/08/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	5.75	9.25	7.70	22.70

296	310337	LÊ XUÂN PHÁP	Nam	14/06/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	6.25	7.75	6.60	20.60
297	310338	BÙI QUANG PHÁT	Nam	15/11/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	6.75	7.50	5.50	19.75
298	310339	ĐOÀN ĐỨC PHÁT	Nam	01/01/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	5.75	9.00	9.15	23.90
299	310340	ĐOÀN GIA PHÁT	Nam	14/03/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	5.75	7.50	6.80	20.05
300	310341	NGUYỄN MINH PHÁT	Nam	24/05/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	5.50	8.75	7.55	21.80
301	310342	PHẠM ĐỨC PHÁT	Nam	16/04/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	5.25	9.50	6.45	21.20
302	310344	VŨ NGỌC PHÁT	Nam	26/02/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	6.75	9.25	8.30	24.30
303	310345	VŨ TẤN PHÁT	Nam	27/01/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	7.00	9.00	8.00	24.00
304	310346	VŨ TUẤN PHÁT	Nam	31/05/2010	Thành phố Hà Nội	0.00	5.75	8.50	7.75	22.00
305	310347	TRẦN VĂN PHI	Nam	07/07/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	5.75	8.50	7.05	21.30
306	310348	CAO DUY PHONG	Nam	05/02/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	6.25	8.75	6.10	21.10
307	310351	PHẠM HOÀNG GIA PHONG	Nam	14/11/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	6.75	8.75	8.50	24.00
308	310352	BÙI HOÀNG THANH PHONG	Nam	23/10/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	6.00	8.75	7.25	22.00
309	310354	ĐOÀN ĐẠI PHÚC	Nam	10/10/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	6.00	8.25	9.40	23.65
310	310355	HOÀNG ANH PHÚC	Nam	05/08/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	6.50	8.25	7.90	22.65
311	310356	NGUYỄN HOÀNG PHÚC	Nam	31/05/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	7.00	9.00	6.95	22.95
312	310357	TRẦN ĐĂNG PHÚC	Nam	07/06/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	6.00	8.50	6.90	21.40
313	310359	VŨ MINH PHÚC	Nam	07/11/2010	Tỉnh Nam Định	1.00	5.50	8.00	7.30	21.80
314	310360	VŨ NGỌC PHÚC	Nam	04/01/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	5.00	8.00	6.20	19.20
315	310361	ĐINH MAI PHƯƠNG	Nữ	24/08/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	5.25	7.75	8.30	21.30
316	310362	ĐOÀN MAI PHƯƠNG	Nữ	06/08/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	7.00	7.00	8.65	22.65
317	310363	THIỀU ANH PHƯƠNG	Nữ	28/03/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	6.25	9.00	6.05	21.30
318	310364	VŨ THU PHƯƠNG	Nữ	26/03/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	7.00	7.00	6.60	20.60
319	310365	CÔ THỊ HÀ PHƯƠNG	Nữ	28/02/2010	TP Hà Nội	0.00	6.25	8.50	6.80	21.55
320	310366	VŨ THỊ HÀ PHƯƠNG	Nữ	06/10/2010	Tỉnh Nam Định	0.00	6.50	8.75	7.55	22.80

[Handwritten signature]

321	310367	PHẠM THỊ THU PHƯƠNG	Nữ	09/01/2010	Tỉnh Nam Định		0.00	7.75	8.00	6.30	22.05
322	310368	TRẦN QUANG PHƯỚC	Nam	20/06/2010	Tỉnh Nam Định		0.00	5.50	8.50	6.80	20.80
323	310369	VŨ HUY QUANG	Nam	22/09/2010	Tỉnh Nam Định	Lớp 9: Giải b	0.00	6.50	7.50	8.45	22.45
324	310371	NGÔ MINH QUÂN	Nam	29/09/2010	Tỉnh Nam Định		0.00	7.00	8.00	5.65	20.65
325	310372	NGUYỄN ANH QUÂN	Nam	16/01/2010	Tỉnh Nam Định		0.00	6.50	9.00	6.95	22.45
326	310373	PHẠM MINH QUÂN	Nam	02/07/2010	Tỉnh Nam Định		0.00	5.75	7.75	5.85	19.35
327	310374	TẠ HỒNG QUÂN	Nam	07/03/2010	Tỉnh Nam Định		0.00	7.25	8.75	6.55	22.55
328	310375	TRẦN ANH QUÂN	Nam	27/01/2010	Tỉnh Nam Định		0.00	5.00	8.50	7.05	20.55
329	310376	PHẠM VÕ MINH QUÂN	Nam	01/04/2010	Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu		0.00	7.00	8.00	6.30	21.30
330	310378	PHẠM ÁNH QUÝ	Nữ	27/08/2010	Tỉnh Tiền Giang		0.00	7.75	9.25	8.00	25.00
331	310379	NGUYỄN NHƯ QUỲNH	Nữ	04/11/2010	Tỉnh Nam Định		0.00	7.00	7.75	6.55	21.30
332	310380	PHẠM MAI QUỲNH	Nữ	03/07/2010	Tỉnh Nam Định		0.00	5.25	8.25	7.55	21.05
333	310382	VŨ NHƯ QUỲNH	Nữ	13/11/2010	Tỉnh Nam Định		0.00	6.75	8.50	7.05	22.30
334	310383	TRẦN THỊ DIỄM QUỲNH	Nữ	22/08/2010	Tỉnh Nam Định		0.00	7.00	9.25	9.55	25.80
335	310384	ĐOÀN THỊ NHƯ QUỲNH	Nữ	29/08/2010	Tỉnh Nam Định		0.00	6.75	8.50	9.65	24.90
336	310385	VŨ MINH SANG	Nam	19/03/2010	Tỉnh Nam Định		0.00	6.00	9.25	8.90	24.15
337	310386	LÊ THANH SƠN	Nam	13/09/2010	Tỉnh Nam Định		0.00	6.25	8.50	8.25	23.00
338	310387	NGUYỄN HOÀNG SƠN	Nam	20/09/2010	Tỉnh Nam Định		0.00	6.75	8.50	6.80	22.05
339	310388	TRẦN HOÀI SƠN	Nam	07/03/2010	Tỉnh Nam Định		0.00	7.25	8.00	7.20	22.45
340	310389	VŨ ÁNH SƯƠNG	Nữ	30/11/2010	Tỉnh Nam Định		0.00	5.75	8.25	5.15	19.15
341	310390	NGUYỄN THANH TÂM	Nữ	18/08/2010	Tỉnh Thái Bình		0.00	7.25	7.75	7.55	22.55
342	310391	TÔ MINH TÂM	Nam	27/06/2010	Tỉnh Nam Định		0.00	5.50	8.25	7.70	21.45
343	310392	NGUYỄN MINH TÂN	Nam	08/10/2010	Tỉnh Nam Định		0.00	6.00	7.00	5.55	18.55
344	310393	TRẦN MINH TÂN	Nam	07/07/2010	Tỉnh Nam Định		0.00	5.25	8.25	6.75	20.25
345	310394	NGUYỄN NHƯ TÂN	Nam	16/08/2010	Tỉnh Nam Định		0.00	6.75	8.50	8.85	24.10

346	310395	PHẠM PHƯƠNG THANH	Nữ	28/08/2010	Tỉnh Nam Định		0.00	5.75	8.75	5.85	20.35
347	310396	CAO DUY THÁI	Nam	06/08/2010	Tỉnh Nam Định		0.00	7.00	5.50	6.20	18.70
348	310397	PHẠM DUY THÁI	Nam	07/05/2010	Tỉnh Nam Định		0.00	6.50	8.00	5.75	20.25
349	310398	VŨ DUY THÁI	Nam	10/03/2010	Tỉnh Nam Định		0.00	6.50	5.25	7.75	19.50
350	310399	THIỆU THỊ HỒNG THÁI	Nữ	19/02/2010	Tỉnh Nam Định		0.00	6.50	8.00	6.70	21.20
351	310400	NGUYỄN VĂN THÀNH	Nam	01/11/2010	Tỉnh Nam Định		0.00	6.25	9.00	9.30	24.55
352	310401	VŨ TIẾN THÀNH	Nam	10/03/2010	Tỉnh Nam Định		0.00	5.50	7.00	8.60	21.10
353	310402	HOÀNG PHAN TIẾN THÀNH	Nam	06/08/2010	Tỉnh Nam Định		0.00	6.50	8.75	6.80	22.05
354	310403	LÊ ANH THẢO	Nữ	04/08/2010	Tỉnh Nam Định		0.00	5.50	8.75	6.25	20.50
355	310404	NGÔ PHƯƠNG THẢO	Nữ	11/11/2010	Tỉnh Nam Định		0.00	7.25	9.00	8.70	24.95
356	310405	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	Nữ	14/08/2010	Tỉnh Nam Định		0.00	6.50	8.25	8.20	22.95
357	310406	NGUYỄN THANH THẢO	Nữ	31/01/2010	Tỉnh Nam Định		0.00	7.00	8.75	6.95	22.70
358	310408	TRẦN DIỆU THẢO	Nữ	22/05/2010	Tỉnh Nam Định	Lớp 9: Giải ba	0.00	7.00	9.00	9.45	25.45
359	310409	LÊ THỊ AN THẢO	Nữ	26/04/2010	Tỉnh Nam Định		0.00	5.75	8.25	7.05	21.05
360	310410	TRỊNH ĐÀM PHƯƠNG THẢO	Nữ	14/04/2010	Tỉnh Nam Định		0.00	6.00	7.75	6.70	20.45
361	310412	TRẦN THỊ THANH THẢO	Nữ	29/04/2010	Tỉnh Nam Định		0.00	7.75	8.25	5.80	21.80
362	310413	VŨ THỊ THANH THẢO	Nữ	04/11/2010	Tỉnh Nam Định		0.00	7.50	7.75	6.40	21.65
363	310414	ĐỖ ĐỨC THẮNG	Nam	04/01/2010	Tỉnh Nam Định		0.00	7.25	8.50	4.85	20.60
364	310415	NGÔ TRUNG THẮNG	Nam	06/01/2010	Tỉnh Nam Định		0.00	5.50	8.25	5.45	19.20
365	310416	VŨ ĐỨC THẮNG	Nam	06/08/2010	Tỉnh Nam Định		0.00	7.00	6.50	6.30	19.80
366	310417	ĐẶNG HỮU THẾ	Nam	28/07/2010	Tỉnh Nam Định	Lớp 9: Khuyến khích	0.00	7.25	9.00	6.55	22.80
367	310418	ĐOÀN NGUYỄN ĐÌNH THỊ	Nam	01/01/2010	Tỉnh Nam Định		0.00	5.25	8.25	7.40	20.90
368	310419	PHẠM HÙNG THỊNH	Nam	26/06/2010	Tỉnh Nam Định		0.00	7.25	8.25	5.85	21.35
369	310421	PHẠM HOÀI THU	Nữ	19/07/2010	Tỉnh Nam Định	Lớp 9: Giải ba	0.00	6.50	8.75	8.70	23.95
370	310422	ĐOÀN ĐỨC THUẬN	Nam	09/10/2010	Tỉnh Nam Định		0.00	5.75	9.25	6.80	21.80

371	310423	CAO THU THỦY	Nữ	10/11/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.50	7.25	7.30	21.05
372	310424	ĐỖ PHƯƠNG THÚY	Nữ	22/01/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.50	8.75	6.30	22.55
373	310425	TỔNG THANH THÚY	Nữ	22/12/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.75	8.00	6.30	22.05
374	310426	TRẦN THỊ THÙY	Nữ	30/07/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.50	9.25	6.90	23.65
375	310427	VŨ THỊ MINH THÙY	Nữ	13/01/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.75	6.50	7.05	21.30
376	310428	TRẦN THỊ THANH THỦY	Nữ	24/03/2010	Tỉnh Nam Định	Lớp 9: Giải ba			0.00	7.25	8.50	10.00	25.75
377	310429	NGUYỄN THỊ THU THỦY	Nữ	03/02/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.00	8.25	5.95	21.20
378	310431	NGUYỄN ANH THU'	Nữ	05/06/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.75	8.75	5.75	21.25
380	310432	TRẦN ANH THU'	Nữ	15/06/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.25	8.50	6.20	21.95
379	310433	TRẦN ANH THU'	Nữ	28/09/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.75	6.25	5.45	18.45
381	310434	PHẠM NGUYỄN ANH THU'	Nữ	11/05/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.50	7.50	6.90	21.90
382	310435	PHẠM THỊ ANH THU'	Nữ	06/03/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.75	9.25	8.80	24.80
383	310436	TRẦN THỊ ANH THU'	Nữ	31/03/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.25	9.25	9.30	24.80
384	310437	VŨ PHẠM ANH THU'	Nữ	10/11/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.25	7.50	7.55	21.30
385	310438	NGUYỄN HÀ THƯƠNG	Nữ	02/10/2010	Tỉnh Thái Bình				0.00	6.00	10.00	8.25	24.25
386	310439	NGUYỄN VĂN THƯỚC	Nam	12/12/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.25	8.50	7.75	23.50
387	310440	ĐOÀN MINH TIẾN	Nam	16/08/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.00	7.75	7.05	21.80
388	310441	ĐOÀN TÂN TIẾN	Nam	13/06/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.75	8.50	7.90	23.15
389	310442	NGUYỄN MINH TIẾN	Nam	30/10/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.00	8.00	7.05	21.05
390	310443	PHẠM MINH TIẾN	Nam	04/03/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.00	9.25	5.20	21.45
391	310445	CÔ NHƯ TOÀN	Nam	02/09/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.75	9.25	6.10	22.10
392	310446	ĐOÀN QUỲNH TRANG	Nữ	02/11/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.00	8.75	5.45	20.20
393	310447	ĐỖ QUỲNH TRANG	Nữ	07/04/2010	Tỉnh Nam Định				1.00	7.25	7.25	7.55	23.05
394	310448	VŨ HÀ TRANG	Nữ	01/05/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.00	9.00	9.30	25.30
395	310449	VŨ THÙY TRANG	Nữ	22/02/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.75	8.25	5.55	20.55

[Handwritten signature]

396	310451	VŨ THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	26/09/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.00	8.00	4.25	18.25
397	310453	NGUYỄN THỊ MINH TRANG	Nữ	27/09/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.00	8.00	6.05	21.05
398	310454	TẠ THỊ QUỲNH TRANG	Nữ	24/08/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.75	6.00	5.70	18.45
399	310455	ĐOÀN THỊ THU TRANG	Nữ	10/06/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.00	8.75	8.95	23.70
400	310456	NGUYỄN VĂN TRÁNG	Nam	28/09/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.00	7.75	6.00	20.75
401	310457	HOÀNG HƯƠNG TRÀ	Nữ	21/11/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.50	8.75	8.80	24.05
402	310458	NGUYỄN THỊ THU TRÀ	Nữ	27/02/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.50	9.25	7.80	24.55
403	310459	VŨ NGỌC TRÂM	Nữ	19/08/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.25	8.00	6.30	20.55
404	310460	LÊ LƯƠNG KIỀU TRINH	Nữ	22/10/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.75	7.50	6.60	20.85
405	310462	TRẦN QUỐC TRỌNG	Nam	02/07/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.75	8.25	7.55	23.55
406	310463	VŨ ĐỨC TRỌNG	Nam	04/07/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.00	8.00	6.80	20.80
407	310465	NGUYỄN THÀNH TRUNG	Nam	23/07/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.00	10.00	8.45	25.45
408	310466	TẠ QUANG TRUNG	Nam	16/07/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	5.75	8.00	9.05	22.80
409	310469	TRẦN THANH TRÚC	Nữ	29/12/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	5.75	6.50	7.10	19.35
410	310471	TRẦN THỊ THANH TRÚC	Nữ	13/11/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	5.50	7.00	6.75	19.25
411	310472	ĐOÀN NGUYỄN ĐÌNH TRƯỜNG	Nam	01/01/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.75	8.50	7.45	22.70
412	310474	PHẠM QUỐC TUẤN	Nam	10/10/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.50	8.75	8.55	23.80
413	310475	TRẦN QUỐC TUẤN	Nam	04/01/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.50	8.25	6.30	21.05
414	310476	VŨ VĂN TUẤN	Nam	09/06/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.25	8.50	5.80	21.55
415	310477	PHẠM MINH TUYẾN	Nam	06/04/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	5.25	6.25	7.15	18.65
416	310478	VŨ TRỊNH ÁNH TUYẾT	Nữ	16/10/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.00	8.00	6.55	21.55
417	310479	TRỊNH CẨM TÚ	Nữ	27/01/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.75	8.75	8.75	24.25
418	310480	TRƯƠNG LÊ ANH TÚ	Nam	05/02/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	5.50	6.25	7.30	19.05
419	310481	ĐOÀN NGUYỄN CẨM TÚ	Nữ	06/03/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.00	8.50	7.90	23.40
420	310482	PHẠM ĐOÀN ĐỨC TÚ	Nam	29/03/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.75	8.75	8.60	24.10

[Handwritten signature]

421	310483	NGUYỄN LÂM TÙNG	Nam	21/12/2010	Tỉnh Nam Định		0.00	7.50	8.50	7.20	23.20
422	310484	TRẦN THANH TÙNG	Nam	24/04/2010	Tỉnh Nam Định		0.00	6.25	8.25	8.15	22.65
423	310485	TRẦN VŨ MẠNH TUỜNG	Nam	30/04/2010	Tỉnh Nam Định	Lớp 9: Giải ba	0.00	6.75	8.50	4.35	19.60
424	310487	LÊ HIỀU UY	Nam	23/08/2010	Tỉnh Nam Định		0.00	7.00	9.00	6.55	22.55
426	310488	PHẠM THU UYÊN	Nữ	07/04/2010	Tỉnh Nam Định		0.00	7.25	8.00	7.05	22.30
425	310489	PHẠM THU UYÊN	Nữ	16/09/2010	Tỉnh Nam Định		0.00	7.50	8.25	7.15	22.90
427	310491	NGUYỄN THỊ THU UYÊN	Nữ	06/02/2010	Tỉnh Nam Định		0.00	6.25	8.25	4.75	19.25
428	310492	NGUYỄN THỊ TỎ UYÊN	Nữ	10/03/2010	Tỉnh Nam Định		0.00	7.25	7.25	4.85	19.35
429	310494	NGUYỄN MỸ VÂN	Nữ	29/01/2010	Tỉnh Nam Định		0.00	6.50	9.00	8.25	23.75
430	310495	VŨ CẨM VÂN	Nữ	31/08/2010	Tỉnh Nam Định		0.00	7.50	8.50	8.25	24.25
431	310496	VŨ THỊ CẨM VÂN	Nữ	06/04/2010	Tỉnh Nam Định		0.00	7.25	7.00	6.80	21.05
432	310497	PHẠM TUỜNG VI	Nữ	19/09/2010	Tỉnh Nam Định		0.00	5.75	6.50	7.65	19.90
433	310498	NGUYỄN QUANG VIỆT	Nam	10/02/2010	Tỉnh Nam Định		0.00	6.50	9.00	6.85	22.35
434	310499	TRẦN QUỐC VIỆT	Nam	26/11/2010	Tỉnh Nam Định		0.00	6.50	9.00	7.15	22.65
435	310501	LẠI VĂN VINH	Nam	25/10/2010	Tỉnh Nam Định		0.00	6.75	9.75	8.00	24.50
436	310502	MAI THÀNH VINH	Nam	03/12/2010	Tỉnh Nam Định		0.00	6.50	9.00	6.90	22.40
437	310503	NGUYỄN NGỌC VINH	Nam	10/01/2010	Tỉnh Nam Định		0.00	5.50	6.25	8.40	20.15
438	310505	TRẦN VĂN VĨNH	Nam	16/10/2010	Tỉnh Nam Định		0.00	7.50	9.25	4.95	21.70
439	310506	NGUYỄN THÀNH VŨ	Nam	31/07/2010	Tỉnh Nam Định		0.00	7.25	8.50	7.30	23.05
440	310507	VŨ VĂN VĨNH VŨNG	Nam	01/12/2010	Tỉnh Nam Định		0.00	7.00	8.25	7.00	22.25
441	310508	BÙI THẢO VY	Nữ	26/10/2010	Tỉnh Nam Định		0.00	5.75	8.50	9.00	23.25
442	310509	NGUYỄN HẢI VY	Nữ	16/10/2010	Tỉnh Nam Định		0.00	5.75	8.50	8.75	23.00
443	310510	NGUYỄN PHƯƠNG VY	Nữ	01/02/2010	Tỉnh Nam Định	Lớp 9: Khuyến khích	0.00	6.75	7.50	8.35	22.60
444	310511	TRẦN THỊ VY	Nữ	12/09/2010	Tỉnh Nam Định		0.00	5.00	8.75	6.10	19.85
445	310512	VŨ HÀ VY	Nữ	02/09/2010	Tỉnh Nam Định		0.00	6.25	6.25	6.95	19.45

446	310513	VŨ THẢO VY	Nữ	09/12/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.75	7.50	6.80	21.05
447	310515	PHẠM THỊ HÀ VY	Nữ	27/06/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.25	8.25	3.75	18.25
448	310516	TÔ TRẦN KHÁNH VY	Nữ	15/09/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.25	7.00	7.20	20.45
449	310517	NGUYỄN THỊ KIỀU VY	Nữ	29/10/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.75	7.25	6.25	20.25
450	310518	ĐOÀN THỊ THẢO VY	Nữ	29/07/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.00	8.50	8.00	22.50
451	310519	VŨ ĐỖ THẢO VY	Nữ	02/03/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	8.25	6.00	7.05	21.30
452	310520	TÔ THỊ TƯỜNG VY	Nữ	05/11/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.50	8.50	6.05	22.05
453	310521	VŨ THỊ TƯỜNG VY	Nữ	20/09/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.25	6.75	5.80	18.80
454	310522	BÙI THỊ YẾN VY	Nữ	18/12/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.50	8.75	4.40	19.65
455	310523	ĐOÀN ANH VỸ	Nam	17/05/2010	Tỉnh Nam Định	Lớp 9: Khuyến khích			0.00	7.00	9.25	9.45	25.70
456	310524	BÙI NGỌC YẾN	Nữ	05/05/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.50	8.75	7.55	22.80
457	310525	ĐOÀN BẢO YẾN	Nữ	27/05/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.25	8.00	6.10	20.35
458	310526	TRẦN THỊ YẾN	Nữ	13/03/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.50	8.75	9.80	25.05
459	310527	VŨ BẢO YẾN	Nữ	26/09/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.50	8.25	6.10	20.85
460	310528	VŨ HẢI YẾN	Nữ	03/01/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.50	7.00	3.75	18.25
461	310529	NGUYỄN NHƯ Ý	Nữ	03/09/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	5.75	7.50	6.70	19.95

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH TRƯỜNG ĐỀ NGHỊ

461 học sinh (Bằng chữ bốn trăm sáu mươi một) trong danh sách này đủ điều kiện xét trúng tuyển, có điểm xét tuyển từ 18,25... và các tiêu chuẩn khác:.....
 trúng tuyển vào hệ công lập trường THPT Nam Trực
 Danh sách này gồm 19... trang

461 học sinh (Bằng chữ bốn trăm sáu mươi một) trong danh sách này đủ điều kiện có điểm xét tuyển từ 18,25..... và các tiêu chí khác: thông qua
 trúng tuyển vào hệ công lập..... trường THPT Nam Trực
 Danh sách này gồm 19... trang

Nam Định, ngày 20 tháng 6 năm 2025

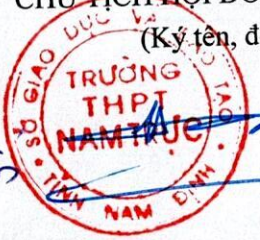
Nam Định, ngày 20 tháng 6 năm 2025

THƯ KÝ (Ký tên)
 CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH (Ký tên, đóng dấu)

CHUYÊN VIÊN DUYỆT

PHÒNG GD TRUNG HỌC (Ký tên, đóng dấu)
 GIÁM ĐỐC

Dũng Quang Bôn



Đào Văn Duẩn
Đào Văn Duẩn

ngô hà vũ



HIỆU TRƯỞNG ĐÀO VĂN DUẨN

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG GDPT NGÔ HÀ VŨ

PHÓ GIÁM ĐỐC BÙI VĂN KHIẾT